

Số: 185 /2024/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 22 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;  
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 188/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông **Đặng Văn L**, sinh năm 1984 và bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: **Tổ B, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Đặng Văn L** và bà **Nguyễn Thị T** xây dựng gia đình vào năm 2016, đến năm 2017 đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân A, quận S, thành phố Đà Nẵng** (Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 18/4/2017). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại **tổ B, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng**. Trong thời gian chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cuộc sống vô cùng bế tắc, mặc dù cả hai đã cố gắng và hai bên gia đình cũng đã can thiệp nhưng vẫn không khắc phục được. Ông **L** và bà **T** sống không hạnh phúc và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét, mâu thuẫn giữa ông **L** và bà **T** đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống không hạnh phúc nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Đặng Văn L** và bà **Nguyễn Thị T** là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Ông **L** và bà **T** xác định có 01 con chung tên **Đặng Nguyễn Duy T1**, sinh ngày 17/11/2016. Thuận tình ly hôn ông bà thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau: Bà **Nguyễn Thị T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con

chung tên **Đặng Nguyễn Duy T1**, sinh ngày 17/11/2016. Ông **Đặng Văn L** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, kể từ tháng 9 năm 2024.

Ông **L** và bà **T** tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của ông bà.

[3] *Về tài sản chung*: Ông **L** và bà **T** xác định không có.

[4] *Về nợ chung*: Ông **L** và bà **T** xác định không có.

[5] *Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông **L** và bà **T** mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 14 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Đặng Văn L** và bà **Nguyễn Thị T** (*Giấy chứng nhận kết hôn số 27, do Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp cho ông L và bà T ngày 18 tháng 4 năm 2017 không còn giá trị pháp lý*).

- *Về con chung*: Bà **Nguyễn Thị T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên **Đặng Nguyễn Duy T1**, sinh ngày 17/11/2016. Ông **Đặng Văn L** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, kể từ tháng 9 năm 2024.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Không có.

- *Về nợ chung*: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm ông **Đặng Văn L** và bà **Nguyễn Thị T** mỗi người phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) ông **Đặng Văn L** và bà **Nguyễn Thị T** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0002799 ngày 08/8/2024. Như vậy, ông **L** và bà **T** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận***

- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường An Hải Tây;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Quốc Vũ**